|  |  |
| --- | --- |
| Trường:.......................................................  Tổ:.............................................................. | Họ và tên giáo viên:………………………  ……………………………………………. |

**TÊN BÀI DẠY:**

**BÀI 5 – TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN**

**Môn học**: Ngữ Văn/Lớp: 10

**Thời gian thực hiện**: 7 tiết

**A. TỔNG QUAN**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU BÀI HỌC** | |
| **1. Về kiến thức** | * **Học sinh nhận biết** và **phân tích** được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền * **Học sinh phát hiện** được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản được học * **Học sinh nêu** được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân |
| * 1. **Về năng lực chung** | - **Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,…. |
| * 1. **Về năng lực đặc thù** | * **Học sinh viết** được báo cáo nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn * **Học sinh biết lắng nghe, phản hồi** về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu |
| **3. Về phẩm chất** | **Học sinh có thái độ trân trọng** đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha ta truyền lại |
| **NỘI DUNG BÀI HỌC** | |
| **Đọc** | * Xúy Vân giả dại (Trích chèo Kim Nham) * Huyện đường (Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến) * Múa rối nước – hiệnd dại soi bóng tiền nhân (Phạm Thùy Dung) * Hồn thiêng đưa đường (Trích tuồng Sơn Hậu) |
| **Viết** | * Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam) |
| **Nói và nghe** | * Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu |
| **Củng cố mở rộng** | * Ôn tập kiến thức về sân khấu dân gian |

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**TIẾT 1. TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh nhận biết** và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền
* **Học sinh đánh giá được vị trí** của thể loại trong nền văn học dân gian Việt Nam nói riêng và văn học Việt Nam nói chung

**2. Về năng lực**

* **Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ** để đọc hiểu và xác định các yếu tố cấu thành tác phẩm chèo, tuồng
* **Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….**

**3. Về phẩm chất**: **Học sinh có thái độ trân trọng** đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha ta truyền lại

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu về nghệ thuật chèo – tuồng qua phiếu K – W – L. * GV đặt câu hỏi: Điều đặc biệt nhất con thấy ở thể loại này sân khấu so với các thể loại văn học khác là gì? | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên nêu câu hỏi  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học, cho hs xem 1 đoạn từ 4p50 đến 11p30 của linkvideo:hhttps://youtu.be/A3fMAoVyfZY | Học sinh trình bày những hiểu biết của mình qua bảng K – W – L và trả lời câu hỏi được đặt ra   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K (Đã biết)** | **W (Muốn biết)** | **L (Đã học được)** | |  |  |  |   Nghệ thuật sân khấu, có lời thoại, cần lưu ý khi trình diễn. Các thể loại khác được cấu thành từ chất liệu ngôn từ, đọc để hiểu và phân tích cảm nhận |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh nhận biết** và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền * **Học sinh đánh giá được vị trí** của thể loại trong nền văn học dân gian Việt Nam nói riêng và văn học Việt Nam nói chung   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa * Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về các đặc trưng của thể loại chèo, tuồng tích trò sân khấu dân gian | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 4 nhóm và nêu nhiệm vụ học tập:  **- Yêu cầu:** *Em hãy thảo luận và hoàn thành vào Phiếu học tập 1 và 2*  - Nhóm 1,2 thể loại chèo  - Nhóm 3,4 thể loại tuồng  **- Thời gian:** 10 phút.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Phiếu học tập – ***Phụ lục 1***  **I. CHÈO**  **1. Khái niệm**   * Sân khấu chèo bắt nguồn từ nền văn nghệ dân gian của cộng đồng người Việt từ thưở xa xưa trên Đồng bằng sông Hồng. Nghệ thuật chèo đã hấp thu tinh hoa nghệ thuật văn hóa dân gian của người Việt cổ để hình thành một loại hình sân khấu dân tộc độc đáo mà không thể nhầm lẫn với bất cứ nghệ thuật nào trên thế giới. * Sách giáo khoa Ngữ văn 10 tập 1, Kết nối tri thức với cuộc sống định nghĩa: Chèo nguyên là một loại hình kịch hát dân gian, phổ biết ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường được diễn ở sân đình trong thời gian có các lễ hội. Về sau, chèo được chuyên nghiệp hóa dần với sự hình thành của các gánh chèo, đoàn chèo   **2. Tích trò**  - Tích chèo lấy từ truyện cổ tích, truyện Nôm, truyện cười. Lời hát chèo thường là lấy lời ca dao “bẻ” theo làn điệu hát chèo. Nhạc chèo lấy từ các làn điệu dân ca đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Múa chèo lấy từ các điệu múa trong dân gian, cách điệu nghệ thuật trên cơ sở những động tác lao động của nhân dân: cày, cấy, gặt hái, xe tơ, dệt vải, vá may,…  - Là yếu tố đầu tiên, quan trọng nhất của vở chèo, làm điểm tựa cho toàn bộ hoạt động biểu diễn, tuy có tính ổn định nhưng vấn để ngỏ khả năng thêm thắt, bổ sung cho diễn viên.  **3. Đặc trưng**  **a. Đặc điểm tổ chức biểu diễn:** Đơn vị biểu diễn chèo là phường, còn gọi là “phường chèo”, hay gọi là “gánh chèo”. Gọi là “gánh” vì mọi phường chèo đi biểu diễn thường mang một gánh đồ. Một phường chèo thường đi từ 10 đến 12 người. Người đứng đầu thường được gọi là ông trùm, bà trùm hay là “trưởng trò”. Chủ yếu là nông dân, chỉ khi nông nhàn thì họ mới gồng gánh hòm đồ lên đường đi “xin đám” – xin biểu diễn vào các dịp.  **b. Sân khấu biểu diễn:** Đơn giản, thô sơ, được lập ở trước ban thờ hoặc ngoài sân đình, có thể ở bất cứ chỗ nào, miễn là rộng rãi, bằng phẳng, thuận lợi cho người diễn, người xem  **c. Lối kể chuyện:**   * Chèo thường được đưa lên sân khấu cả một chuyện có đầu có cuối. Chèo thường dựa vào sự tích truyện cổ dân gian có sẵn * Thời gian trong chèo tiến triển tuần tự như các tình tiết trong truyện cổ, không thể đảo lộn trật tự thời gian như trong kịch hiện đại * Lối kể chuyện sân khấu giống lối kể chuyện trong cổ tích, chèo chú trọng nhiều vào diễn biến tình tiết câu chuyện mà ít đi vào phân tích tâm lí nhân vật như ở kịch hiện đại. * Chèo phản ánh cuộc sống bằng phương pháp tự sự tạo nên sự rung cảm sâu sắc cho người xem   **d. Nhân vật chèo:** Nhân vật chèo không xa lạ với đời sống thường ngày của người dân lao động xưa, gồm nhiều hạng ngươi trong xã hội, có địa vị, nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác khác nhau. Xét theo tính cách, nhân vật chèo được phân thành hai loại chính: vai chín (tích cực) và vai lệch (tiêu cực). Mỗi loại nhân vật thường tự biểu hiện mình bằng một số điệu hát và động tác múa đặc trưng.  **e. Nội dung tư tưởng:**   * Chèo nêu những mâu thuẫn trong xã hội phong kiến, phê phán những thói xấu, những hạng người xấu, phê phán những gì trái với đạo đức, tâm lí xã hội * Chèo thể hiện lòng yêu mến, quý trọng con người đặc biệt là đề cao người phụ nữ - lớp người mà giai cấp phong kiến cho là thấp hèn nhất. Vấn dề trọng tâm trong chèo là vấn đề đạo đức. Chèo phê phán những người phụ nữ kém đạo đức. * Khao khát hạnh phúc là thứ tình cảm chính đáng của con người nhưng luôn bị kiềm chế bởi những quan niệm hôn nhân phong kiến vô lí và nghiệt ngã   **II. TUỒNG**  **1. Khái niệm**  Là loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuồng dân gian  **2. Nghệ thuật**  Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu hay đả kích một số hạng ngườ nhất định trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền |
| **3. HOẠT ĐÔNG 3: VẬN DỤNG – LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh đánh giá được vị trí** của thể loại trong nền văn học dân gian Việt Nam nói riêng và văn học Việt Nam nói chung   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh thảo luận giá trị của chèo, tuồng và sân khấu dân gian. So sánh vị thế và giá trị của sân khấu dân gian xưa và nay | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi, đưa ra nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **Giá trị**  - Giá trị tinh thần to lớn, mang nét đặc trưng làng xã (quây quần xem vở diễn) của người Việt Nam  - Gây hứng thú, tò mò và sự chú ý của người xem thay vì chỉ đọc tác phẩm  - Gắn kết cộng đồng  - Tiền thân của loại hình nghệ thuật sân khấu, diễn xuất khác  **So sánh**  - Mất dần vị thế, nhiều người trẻ không còn xem chèo, tuồng  - Chưa được đẩy mạnh và phát triển như giá trị văn hóa của nó . |

***Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chèo, tuồng***

Graphical user interface, text

Description automatically generated

Text

Description automatically generated

***Phụ lục 2. Rubic đánh giá hoạt động nhóm tìm hiểu về sân khấu dân gian***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**TIẾT 2,3. VĂN BẢN ĐỌC**

**XÚY VÂN GIẢ DẠI**

**(Trích chèo Kim Nham)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Về kiến thức**

- Học sinh vận dụngtri thức Ngữ văn để:

+ Xác định bố cục của đoạn trích chèo

+ Nêu được nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân

+ Xác định đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật

+ Phân tích được một đoạn lời thoại để thấy được mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm nhân vật Xúy Vân

+ Xác định được các đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Van (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn…)

- Học sinh xác định được tầm quan trọng văn bản ngôn từ thể hiện tích truyện làm nền cho toàn bộ hoạt động biểu diễn của vở chèo, tầm quan trọng của diễn xuất gồm hát, múa và các hình thức biểu cảm trong vở chèo

- Học sinh tìm hiểu thêm ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của Việt Nam thưở xưa

**2. Về năng lực**

- Học sinh vận dụng tri thức đọc hiểu để đọc hiểu văn bản

- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

**3. Về phẩm chất**

Học sinh đồng cảm với khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống thật với mình được gửi gắm qua hình tượng nhân vật Xúy Vân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:  GV cho HS xem một đoạn video trích từ vở chèo Kim Nham  HS theo dõi và nêu cảm nhận | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chiếu video  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh theo dõi và chia sẻ cảm nhận về những đặc sắc qua đoạn trích mà con cảm nhận được  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. | GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  **- Học sinh vận dụng** tri thức Ngữ văn để:   * **Xác định** bố cục của đoạn trích chèo * **Nêu** được nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân * **Xác định** đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật * **Phân tích** được một đoạn lời thoại để thấy được mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm nhân vật Xúy Vân * **Xác định** được các đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Van (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn…)   **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về từng vị thần bằng nhiều hình thức khác nhau  - Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm nhận nhiệm vụ tìm hiểu một vấn đề của văn bản  **Nhóm 1.** Bố cục và nguyên nhân Xúy Vân giả dại.  **Nhóm 2.** Phân tích đoạn lời thoại thể hiện “ngôn ngữ điên” của nhân vật.  **Nhóm 3.** Phân tích đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất mâu thuẫn nội tâm trong lòng Xúy Vân.  **Nhóm 4.** Phân tích cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xúy Vân qua lời thoại theo điệu “con gà rừng”  **Câu hỏi mở rộng nhóm 1,2,3,4: Nhận xét hành động giả dại của Xúy Vân – HS thảo luận**  **Nhóm 5.** Đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân  **Nhóm 6.** Đặc điểm của ngôn ngữ chèo được thể hiện qua đoạn trích  **Câu hỏi mở rộng cho nhóm 5,6: Nghệ thuật chèo được biểu hiện trong đoạn trích như thế nào?**  **Thời gian**: 10 phút  **Chia sẻ**: 3 phút  **Thảo luận và phản biện**: 3 phút  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và thực hiện bài làm bằng nhiều hình thức khác nhau tùy chọn  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các ý cơ bản | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Bố cục**  Có thể chia đoạn trích thành 3 phần:  + Phần 1: Xuý Vân xuất hiện (từ đầu đến “ai biết là ai?”).  + Phần 2: Xuý Vân xưng danh (từ “bước chân vào” đến “Ờ”).  + Phần 3: Xuý Vân giãi bày (đoạn còn lại).  **II. Đọc - hiểu đoạn trích**  **1. Nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân**  - **Nguyên nhân trực tiếp**: Lời xúi dục và hứa hẹn ngon ngọt của Trần Phương - gã người tình trăng hoa và đểu cáng (nguyên nhân này có thể được nhận biết một phần qua những chi tiết ngoài văn bản, ở đoạn tóm tắt tác phẩm và một phần qua chính đoạn xưng danh của Xuý Vân trong văn bản).  - **Nguyên nhân sâu xa**: nỗi buồn chán, cô đơn khi phải sống xa chồng và niềm khát khao cảnh sống êm đềm, hạnh phúc của Xuý Vân được bộc lộ qua lời thoại: *đau, chờ, đợi, chả nên gia thất thì về, mặc, điên cuồng, rồ dại, đắng cay, ức, thương, nhớ.*  **2. Đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật**  - Đoạn lời thoại gắn liền với điệu “hát ngược” ở cuối văn bản (đoạn trích).  + Điều dễ thấy trước hết ở đây là rất nhiều đối tượng, sự vật được nhắc đến nhưng giữa chúng không có mối liên hệ gì với nhau. Có cảm tưởng Xuý Vân đã tiện đâu nói đó, nhớ gì nói nấy, mỗi câu nói như một mảnh rời, được gá ghép với nhau một cách lộn xộn.  + Điều thứ hai là mọi sự đã được nhân vật nhìn theo một logic ngược, phải đảo lại hoàn toàn thì mới đúng với ghi nhận của tri giác thông thường: “*Chuột đậu cành rào, muỗi ấp cánh dơi,/ Ông Bụt kia bẻ cổ con nai,/ Cái trứng gà mà tha con quạ lên ngồi trên cây”,...* Tất cả những điều trên dễ dàng đưa đến cho người nghe, người đọc cảm giác rằng người nói quả thực là một kẻ điên hoặc không bình thường.  Ở đây, khi xây dựng lời thoại của Xuý Vân, tác giả dân gian đã khéo vận dụng những bài ca dao nói ngược đầy tính hài hước vốn khá phổ biến trong kho tàng ca dao, chẳng hạn: “*Bước sang tháng Sáu giá chân/ Tháng Chạp nằm trần bức đổ mồ hôi/ Con chuột kéo cày lồi lồi/ Con trâu bốc gạo vào ngồi trong cong*”... Hoặc: “*Trời mưa cho mối bắt gà/ Thòng đong cân cấn đuổi cò lao xao/ Lươn nằm cho trúm bò vào/ Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô*”,...  **3. Đoạn lời thoại thể hiện rõ những mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm của Xúy Vân.**  - Đoạn lời thoại được thể hiện bằng điệu “quá giang”. Ở đây, ta vừa thấy một Xuý Vân buông xuôi, thuận theo sự chi phối của hoàn cảnh “*Cách con sông nên tôi phải luỵ đò*”, vừa thấy một Xuý Vân muốn phản kháng “*Chả nên gia thất thì về,/ Ở làm chi mãi cho chúng chê, bạn cười.*”. Đặc biệt, bên cạnh một Xuý Vân buông thả theo chuyện “*gió trăng*” là một Xuý Vân luôn có nỗi hổ thẹn ngấm ngầm, muốn thanh minh, phân bua và cũng biết tự dặn lòng cần giữ tiết “*Tôi chắp tay lạy bạn đừng cười,/ Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng./Gió trăng thời mặc gió trăng,/ Ai ơi giữ lấy đạo hằng chớ quên*.”.  - Đoạn lời thoại thể hiện mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm của nhân vật Xúy Vân nhất là từ “Bước chân vào tôi thưa rằng vậy” đến “*Nên đến nỗi điên cuồng rồ dại*”. Trong văn bản, Xúy Vân nói với mọi người mà nàng gọi là “chị em”, cũng như đang tự vấn chính mình. Nàng tự xưng tên họ, nói bản thân có “tài cao vô giá”, “hát hay đã lạ”, được gọi là “cô ả Xúy Vân”, cho thấy ở nàng một cô gái xinh đẹp, hát hay, đáng trân trọng. Thế nhưng lại rơi vào nỗi đau khổ khi trót bỏ chồng để đi theo một người đàn ông phụ bạc, “*phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương*”. Một bên là người con gái đang tuổi xuân thi, với một bên là nỗi đau đớn tủi nhục vì bị ruồng bỏ, sự đối lập này đã cho thấy rõ tâm trạng ân hận của Xúy Vân, chính bi kịch ấy đã đẩy nàng “*đến nỗi điên cuồng, rồ dại*”. Nỗi ân hận của Xúy Vân tuy muộn màng nhưng cũng cho thấy sự thức tỉnh của nhân vật, điều đó thể hiện nàng đã nhận ra lỗi lầm của mình, đang đấu tranh đau khổ với nỗi ân hận và đau đớn khi đã phụ bạc Kim Nham.  **4. Cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xúy Vân qua lời thoại theo điệu “con gà rừng”**  Đoạn lời thoại được thể hiện theo điệu “con gà rừng” cho thấy nỗi đắng cay, tấm tức của Xuý Vân khi bị đặt vào một hoàn cảnh không được như ý, có cái gì như là sự cọc cạch, bất tương xứng, chẳng khác tình trạng “*Con gà rừng ăn lẫn với công”.* Nỗi niềm này không thể được tỏ bày “*láng giềng ai hay?”,* bởi làm sao có thể nói về một điều do “*xuân huyên*” (cha mẹ) sắp đặt. Sâu trong lòng, nàng chỉ ao ước được sống trong cảnh vợ chồng sum họp, hoà thuận: “*Chờ cho bông lúa chín vàng,/ Để anh đi gặt, để nàng mang cơm*”. Nếu việc lặp lại hai dòng “*Bông bông dắt, bông bông díu,/ Xa xa lắc, xa xa líu*” nhằm diễn tả cảm giác vui vầy, ríu rít của đôi vợ chồng được cùng làm lụng bên nhau, giúp đỡ nhau (theo tưởng tượng, ước mong hơn là theo thực tế), thì việc lặp lại dòng “*Láng giềng ai hay, ức bởi xuân huyên*” (cách quãng, dòng đặt giữa đoạn, dòng đặt cuối đoạn) lại nhằm biểu đạt nỗi ấm ức, bất bình trước thực tại, cố nén xuống bao nhiêu lại dội lên bấy nhiêu. Từ “**ức**” là tiếng đệm trong câu hát, vừa mô phỏng tiếng kêu của con gà nghẹn thóc, vừa mang nghĩa bất bình, uất ức. Nói chung, sự xen kẽ giữa niềm vui và nỗi buồn trong tâm trạng Xuý Vân đã thể hiện rất rõ khát khao hạnh phúc của nhân vật. Đó là điều cần được cảm thông.  **NHẬN XÉT HÀNH ĐỘNG GIẢ DẠI CỦA XÚY VÂN**:  - Trong xã hội Việt Nam xưa, con người cá nhân chưa được tôn trọng. Điều đó dẫn tới việc những đòi hỏi về quyền tự quyết lối sống hay quyền lựa chọn người mình yêu thường bị phán xét một cách nghiêm khắc. Với người phụ nữ, những khát vọng mang tính chất “vượt rào” lại càng bị ngăn trở, cấm đoán ngặt nghèo. Đây là nguyên nhân chính khiến Xuý Vân phải che giấu động cơ và mong muốn thật của mình dưới một hình thức tiêu cực là giả dại.  - Quả là trong tình cảnh ấy, Xuý Vân khó có sự lựa chọn nào khác, trừ khi phải tự dập tắt khát vọng hạnh phúc của chính mình. Rõ ràng, hành động của Xuý Vân đáng được nhìn bằng ánh mắt bao dung và thái độ chia sẻ, cảm thông, bất chấp việc lựa chọn bạn tình của cô có thật sự tỉnh táo hay không, vì đây là hai vấn đề khác nhau. Việc khán giả bình dân xưa yêu thích lớp chèo Xuý Vân giả dại cũng như toàn bộ vở Kim Nham cho thấy câu chuyện của Xuý Vân không phải là câu chuyện cá biệt. Qua đây có thể nói, nhân vật Xuý Vân đã nhận được sự đồng cảm của bao nhiêu người.  **5. Đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân**  - Xưng danh là hình thức giới thiệu, thể hiện nhân vật rất riêng biệt của sân khấu dân gian Việt Nam, không chỉ có trong chèo mà còn có cả trong tuồng nữa. Hình thức xưng danh này đáp ứng yêu cầu của khán giả bình dân muốn nắm bắt nhanh chóng về loại, đặc điểm và vai trò của nhân vật, ngay từ lúc nhân vật vừa xuất hiện trên sân khấu (nhân vật thuộc vai chín (tích cực) hay vai lệch (tiêu cực), tính cách ra sao, có vị trí thế nào trong tích trò). Khi đã được nghe những lời xưng danh, khán giả không còn phải bỏ nhiều công để suy đoán về tính cách của nhân vật nữa để có thể tập trung theo dõi nghệ thuật trình diễn (múa, hát) của diễn viên (sự thực, sau màn xưng danh, diễn viên chỉ cố sức thể hiện như thế nào cho nổi bật điều đã được báo trước qua những câu chào hỏi).  - Nội dung xưng danh thường cho biết một cách rất khái quát về danh tính, quê quán, thân phận, gia cảnh, tính cách,... của nhân vật, trong đó, ngay cả nét xấu của nhân vật cũng được nói ra rất tự nhiên (ví dụ, Xuý Vân đã nói về mình: “*Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương,/ Nên đến nỗi điên cuồng, rồ dại*.”). Từ góc nhìn của một khán giả, độc giả hiện đại, cách tự giới thiệu này có vẻ không logic, nhưng đối với người xưa, nó đã được chấp nhận như một quy ước nghệ thuật. Qua lời chào hỏi kiểu như: “*Chị em ơi!/ Ra đây có phải xưng danh không nhỉ?”* và tiếng đế: “*Không xưng danh, ai biết là ai?”*, có thể nhận ra giữa khán giả và sân khấu không có khoảng cách nào đáng kể. Nói cách khác, sân khấu là một không gian được hình thành tự nhiên giữa vòng vây của khán giả, gây cảm tưởng diễn viên là người vừa bước tách ra khỏi đám đông để lên sàn diễn. Trong khi đó, những khán giả còn lại không hề giữ vai trò thụ động vì họ vẫn có thể tham gia vở diễn ở một số hoạt động nhất định (chẳng hạn tạo tiếng đế sau lời hỏi của nhân vật – diễn viên).  **6. Đặc điểm của ngôn ngữ chèo được thể hiện qua đoạn trích**  - Trong chèo, lời thoại của nhân vật có thể được thể hiện bằng hình thức của lời nói thường hoặc hình thức của thơ.  - Ở phần lớn trường hợp, giữa hai hình thức này có sự kết hợp linh hoạt. Những lời thoại có hình thức thơ mà người đọc nhận thấy trên văn bản sẽ được hát lên theo các làn điệu khác nhau khi diễn viên thể hiện trên sân khấu. Bóng dáng của thơ bốn chữ hay thơ lục bát thường hiện diện trong lời thoại của nhân vật với nhiều biến đổi ở cách ngắt nhịp và số tiếng, một phần có thể do sự chi phối của điệu hát hay ngữ điệu của lời nói thường. Có khi, ta gặp ở đây những cặp lục bát theo đúng mô hình chuẩn như: “*Gió trăng thời mặc gió trăng,/ Ai ơi giữ lấy đạo hằng chớ quên*” hay: “*Chờ cho bông lúa chín vàng,/ Để anh đi gặt, để nàng mang cơm*”. Nhưng cũng nhiều khi ta gặp những cặp hoặc đoạn lục bát biến thể: “*Chiếc trống cơm, ai khéo vỗ nên bông,/ Một đàn các cô con gái lội sông té bèo*”...  - Ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa: “*Bông bông dắt, bông bông díu/ Xa xa lắc, xa xa líu*”  - Cách nói ví von giàu tính tự sự trữ tình: “*Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng”, “chờ cho bông lúa chín vàng*”, “*con cá rô nằm vũng chân trâu/ để cho năm bảy cần câu châu vào*”,…  **NGHỆ THUẬT CHÈO ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA ĐOẠN TRÍCH**:  - Một kịch bản chèo chỉ tìm thấy đời sống thực sự của mình trên sàn diễn và việc đánh giá một vở chèo không thể chỉ căn cứ vào văn bản ngôn từ ghi lại lời thoại của các nhân vật.  - Chính diễn xuất đầy tính biểu cảm của diễn viên với sự kết hợp nói, hát, múa trên nền hoà tấu của các nhạc cụ dân tộc đã làm nên sự mê hoặc của chèo nói chung và của những lớp chèo nổi tiếng nói riêng. Tích trò (trong đó có sự cố định hoá lời thoại của nhân vật) rất quan trọng, có chức năng làm điểm tựa cho hoạt động diễn xuất của diễn viên nhưng nó không quyết định tất cả thành công của vở diễn. Không phải ngẫu nhiên mà khi nói đến lớp chèo Xuý Vân giả dại, người ta nghĩ trước hết đến diễn xuất tuyệt vời của các diễn viên như Kiều Trọng Đoá, Dịu Hương (theo kịch bản cổ) và Diễm Lộc, Thuý Ngần (*theo kịch bản được chỉnh lí, làm mới từ cuối thập niên 70 của thế kỉ XX*). |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Dựa vào nội dung tìm hiểu về đoạn trích, học sinh vận dụng để rèn luyện kĩ năng viết.  **b. Nội dung thực hiện**  Học sinh thực hành kết nối đọc – viết | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **- Giáo viên giao nhiệm vụ:**  *Viết đoạn văn khoảng 150 chữ, trình bày suy nghĩ của bạn về nỗi niềm của nhân vật Xúy Vân được thể hiện qua lớp chèo Xúy Vân giả dại*  **- Thời gian:** 20 phút.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bài làm mẫu**  Trong lớp chèo Xúy Vân giả dại, Xúy Vân xuất hiện với hình ảnh người phụ nữ vừa điên loạn lại vừa đáng thương. Nàng đang bị giằng xé giữa tâm trạng hối hận và nỗi tủi nhục vì sự cười chê của người đời. Nàng hối hận, cảm thấy tội lỗi vì đã phụ bạc Kim Nham, lại càng đau đớn vì bị Trần Phương bỏ rơi, Người phụ nữ không còn điểm tựa này còn phải đối mặt với nỗi cười chê của láng giềng. Trong xã hội phong kiến xưa, đây là một bi kịch lớn với người phụ nữ. Những câu nói điên loạn, kể lể càng cho thấy sự tuyệt vọng và tủi hổ của nhân vật đã lên đến đỉnh điểm, nàng đang bị mắc kẹt trong nỗi ám ảnh ấy mà không biết chia sẻ cùng ai nên càng rơi vào bế tắc. Hình ảnh Xúy Vân trong lớp chèo này là đại diện cho cảnh ngộ của những người phụ nữ xưa trong xã hội cũ, không được tự quyết định thân phận mình, đến khi muốn tìm hạnh phúc lại bị rơi vào bi kịch. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tìm hiểu** thêm ý nghĩa đời sống văn hóa lãng xã của Việt Nam thuở xưa.  **b. Nội dung thực hiện:** HS liên hệ ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của VN thưở xưa qua đoạn trích chèo | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | - Qua lớp chèo, có thể thấy được phần nào không gian quen thuộc của nông thôn Việt Nam xưa với các hình ảnh như con sông, bến đò,... những cảnh sinh hoạt như gặt lúa, mang cơm,...  - Ta cũng có thể nhận ra sự tồn tại của những thiết chế tinh thần ràng buộc đời sống con người như quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” và dư luận xã hội (rõ ràng ở Xuý Vân luôn có một nỗi ám ảnh về tình trạng “chúng chê, bạn cười”)...  - Tin tưởng vào tín ngưỡng: “than cùng bà Nguyệt”, “ông Bụt”  - Đặc biệt, ta còn cảm nhận được sự đồng vọng thắm thiết giữa những tấm lòng trong cộng đồng làng xã mỗi khi các từ xưng hô như “chị em”, “bạn” vang lên. Hàng xóm láng giềng sống với nhau gần gũi, đoàn kết: Xúy Vân gọi mọi người là “chị em ơi!”, lời nói thủ thỉ tâm tình “Chị em ơi tôi than vài câu nhé, chuyện của Xúy Vân láng giềng cũng đều hay biết |

***Phụ lục 1. Rubic chấm phần thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Phụ lục 2. Rubic chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**TIẾT 4. VĂN BẢN ĐỌC**

**HUYỆN ĐƯỜNG**

**(Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- **Đặc điểm thể loại tuồng**

- **Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Huyện đường”:**

**2. Về năng lực**

- **Tóm tắt** lại sự việc trong đoạn trích

- **Liệt kê** những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường, từ tri huyện đến đề lại là lính lệ

- **Phân tích** sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật tri huyện và đề lại

- **Đánh giá** thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”

- **Nhận xét** lời tự giới thiệu (qua hình thức nói lối) của nhân vật tri huyện với lời tự giới thiệu thường gặp trong đời sống.

**- Nêu** được các lưu ý về diễn xuất của diễn viên khi dựng lại cảnh Huyện đường

**- Vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại.

* **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc.

**3. Về phẩm chất**: **Học sinh cảm nhận** được ý vị hài hước, châm biếm của cảnh huyện đường

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV đặt câu hỏi: Theo con điểm khác biệt cơ bản nhất giữa chèo và tuồng là gì? | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. | ***GV gợi ý đáp án***  Tuồng – xuất phát từ sinh hoạt ca vũ của người Việt  Chèo – xuất phát từ cách tích truyện kể |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để:**   - **Tóm tắt** lại sự việc trong đoạn trích  - **Liệt kê** những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường, từ tri huyện đến đề lại là lính lệ  - **Phân tích** sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật tri huyện và đề lại  - **Đánh giá** thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”  - **Nhận xét** lời tự giới thiệu (qua hình thức nói lối) của nhân vật tri huyện với lời tự giới thiệu thường gặp trong đời sống.  **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinhthực hiện phiếu học tập tìm hiểu về nhân vật Đăm Săn. * Học sinh thảo luận, thuyết trình theo yêu cầu. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên phát phiếu học tập  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS chia nhóm 4 – 6 HS thảo luận và hoàn thành phiếu.  Sau đó, các nhóm đổi phiếu cho nhau và hoàn thiện vào phiếu đánh giá chung  **Thời gian**: 10 phút  **Chia sẻ**: 3 phút  **Làm phiếu đánh giá và trao đổi**: 3 phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Thể loại: Tuồng**  **2. Xuất xứ:**  Đoạn trích thuộc vở tuồng “Nghêu, sò, ốc hến”  Nội dung vở tuồng: Trộm Ốc nhờ thầy bói Nghêu (hay Ngao) gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hến, một gái góa trẻ đẹp. Lý trưởng và Trùm Sò đến lục soát bắt được tang vật, liền giải Thị Hến lên trình quan huyện. Khi đến công đường, Thị Hến đã làm cho quan huyện và thầy đề mê mệt vì nhan sắc của mình. Kết quả là Trùm Sò mất tiền, thầy Lý bị đòn, Thị Hến được tha bổng. Kết thúc vở là cảnh cả quan huyện, thầy đề, thầy Lý vì mê mẩn Thị Hến chạm mặt nhau và bị các bà vợ đánh ghen tại nhà Thị Hến.  🡪 Mang tính châm biếm, đả kích quan lại địa phương.  **3. Bố cục**  + Phần 1: Tri huyện xưng danh – Lời giới thiệu của tri huyện (từ “Quyền trọng” đến “chuyên cần”).  + Phần 2: Thủ đoạn của quan huyện và đề lại (tiếp đó đến “Lệ đâu?”).  + Phần 3: Lính lệ bắt đầu thực thi kế hoạch của “quan” (đoạn còn lại).  **4. Tóm tắt các sự việc chính**  - Tri huyện bước ra đầu tiên, tự xưng tên tuổi, chức vụ và kinh nghiệm của mình  - Đề lại theo hầu phía sau, hỏi thăm và thưa với tri huyện về vụ án của Thị Hến  - Sau một hồi bàn bạc, tri huyện và đề lại đưa ra phương án xử tù, phạt đòn và phạt tiền đối với Ốc, Nghêu và lí trưởng còn Sò và Hến thì đợi xem xét  - Lính lệ ra gọi cả bên nguyên, bên bị, nhân chứng vào hầu  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Lời giới thiệu của tri huyện**  Lời giới thiệu đã vạch trần bộ mặt xấu xa của quan huyện:  - Là một kẻ thuộc loại “*ăn trên ngồi trốc*”, hưởng đủ mùi phú quý và quen sống phóng đãng “*Đỉnh chung đà đủ miếng/ Hoa nguyệt cũng quen mùi*”.  - Thực hiện chức phận một cách tồi tệ, cây quyền cậy thế để tự tung tự tác, bất chấp công lí, đạo lí, miễn sao vơ vét được nhiều.  + “*Lấy của cậy ngọn roi/ Làm quan nhờ lỗ khẩu/ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền/ Dân xã nếu không kiêng/ Bỏ xuống lao giam kĩ*”.  + “*Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần*”.  🡪Hai từ *“thú vị”* và *“chuyên cần”* cho thấy tri huyện đã hài lòng biết bao với cuộc sống của mình. Ông ta càng “chuyên cần” thì dân đen càng khốn đốn.   * Nhận xét:   Hình ảnh quan huyện hiện lên qua giọng điều đầy châm biếm, sâu cay. Theo cách nhìn của tác giả dân gian, trong xã hội xưa, đây là đặc điểm chung của tầng lớp thống trị chứ không phải đặc điểm của một nhân vật cá biệt nào.  🡪 **Liên hệ thực tế:** Thông thường, trong đời sống, khi tự giới thiệu, không ai muốn nói ra những cái xấu của bản thân. Nhưng ở đây, nhân vật tri huyện đã làm điều ấy. Rõ ràng, lời thoại không phải là ngôn ngữ tự nhiên của nhân vật mà ngôn ngữ của nghệ thuật, đảm nhiệm các chức năng vừa thể hiện hành động theo tích trò đã xác định, vừa định hướng suy nghĩ, cảm nhận của khán giả, độc giả về chính sự việc đang diễn ra.  **2. Thủ đoạn của quan huyện và đề lại**  - **Những lời thoại chính của tri huyện** cần được kể đến: “Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền”; “Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được”; “Phải, nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu”; “...lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào lại chả được”.  - **Những lời thoại của đề lại:** “Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hến thì liệu xử cho xong, bọn này toàn đầu trọc cả”; “Bẩm quan xử thật sâu sắc”; “Vâng ạ, quan xử hay lắm”.  - **Lời thoại của lính lệ**: “Nhắc lại ông Trùm, anh xã và chị Hến biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đấy”. Tất cả những lời thoại nêu trên cho thấy mọi mối bận tâm của tri huyện, đề lại và lính lệ đều chỉ xoay quanh một chữ “tiền”.  🡪 Tác giả dân gian đã xây dựng được hệ thống lời thoại hết sức tinh tế, hàm súc. Trong mỗi lời nhân vật thốt ra dường như có sẵn một mũi dao chĩa ngược về chính người nói.  **🡪 Đồng thời, có sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật tri huyện và đề lại**  + Khi tri huyện nói muốn để trường hợp của Sò lại vì nó rất giàu, đề lại đã đưa ra phương án để nói với mọi người là “ta cứ bảo là để tra cứu đã”  + Đề lại nói muốn xử cho xong những bọn trọc đầu, tri huyện lập tức hưởng ứng “phải, nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu”  + Đề lại khen ngợi, tâng bốc, nịnh nọt với cách xử kiện của tri huyện “bẩm quan xử thật sâu sắc”, “vâng ạ, quan xử hay lắm”  🡪 Dựa vào cách nói chuyện có thể thấy hành vi xấu xa này của chúng đã xảy ra thường xuyên và lặp lại nhiều lần nên được phối hợp và diễn ra rất trơn tru.  🡪 Bởi lẽ: Hai nhân vật này có sự tương đồng về bản chất tham lam, xấu xa sách nhiểu, lại có quá trình cấu kết với nhau lâu dài trong việc tróc nã, chiếm đoạt tiền bạc từ người thưa kiện.  (Tri huyện vừa phàn nàn về nỗi “*Nha lại vắng bẩm thân,/ Dân xã không đấu cáo*” thì đề lại xác nhận ngay: “*Vâng, hôm nay chả thấy ai kiện cáo gì cả*”. Rõ ràng các quan chỉ mong có chuyện kiện cáo để kiếm chác. Nói chung, mỗi lời tri huyện nói ra đều được đáp lại bằng tiếng “*Vâng*” và ngược lại, lời thưa của đề lại có thể nhanh chóng được xác nhận bằng tiếng “*Phải*”.) |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh thực hành viết kết nối đọc trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích  **b. Nội dung thực hiện**  - Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên giao nhiệm vụ:  *Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích*  **- Thời gian:** 15 phút.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bài làm mẫu**  Vở tuồng Huyện đường đã thể hiện cái nhìn châm biếm của tác giả về thói tham nhũng, xử kiện dựa trên đồng tiền của một bộ phận quan lại thối nát vô lương tâm trong xã hội cũ. Tác giả để cho nhân vật tự giới thiệu, bộc lộ bản chất của mình thông qua lời thoại, cử chỉ và ngôn ngữ, không cần dùng đến một từ ngữ phê phán hay bình luận nào. Đây là một cách thể hiện rất khéo léo. Thông qua câu chuyện ở huyện đường, tác giả vừa châm biếm vừa phê phán tầng lớp quan lại, nhưng đồng thời cũng phơi bày trước mắt bạn đọc một xã hội lừa lọc, thủ đoạn và thiếu tình người. Tiếng cười được gửi gắm trong tác phẩm vừa sâu cay vừa mang ý nghĩa phê phán sâu sắc. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:**   * **Học sinh nêu** được các lưu ý về diễn xuất của diễn viên khi dựng lại cảnh Huyện đường * **Học sinh bàn luận** về vấn đề thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa với chốn cửa quan và so sánh với thời đại ngày nay   **b. Nội dung thực hiện:** HS trình bày và chia sẻ ý tưởng | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ diễn xuất cho các nhóm và lưu ý về diễn xuất  **HS bàn luận mở rộng, thể hiện được quan điểm và góc nhìn của người dân xưa với chốn cửa quan**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận, diễn lại vở tuồng  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Các lưu ý về diễn xuất của diễn viên khi dựng lại cảnh Huyện đường**  - Hành động, cử chỉ, bước đi, động tác nên mạnh mẽ, rõ rang, dứt khoát  - Động tác và lời nói, sác thái biểu cảm phải hài hòa với các yếu tố khác như tiếng trống, kèn, nhạc  - Đối với vai tri huyện, những đoạn cười nên diễn một cách tự nhiên, khoái trá, bộc lộ được bản chất tham nhũng của nhân vật  - Vai đề lại, lính lệ nên nói năng nhỏ nhẹ, ánh mắt láo liên, cười gian xảo  **Đánh giá thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”**  Tục ngữ Việt Nam có câu: “***Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ***”. Chính câu tục ngữ này đã cho thấy sự đánh giá tổng quát của tầng lớp bị trị xưa về chốn công quyền hoặc chốn “cửa quan”. Rõ ràng, đây là một đánh giá tiêu cực, hàm chứa sự mỉa mai, khinh bỉ, đả kích. Những điều thể hiện trong màn tuồng Huyện đường hoàn toàn thống nhất với cách đánh giá đó. Nói chung, người dân xưa chỉ thấy “cửa quan” là chốn ô trọc, lúc nhúc nhưng kẻ đục khoét đầy mưu mô, luôn tìm cơ hội vơ vét “cho đầy túi tham” và làm hại những người “thấp cổ bé họng”, kể cả thành phần bất hảo nhưng ở thế yếu hơn (như lí trưởng, Trùm Sò). Cần phải thấy đây là một cách nhìn nhận có tính lịch sử mà việc khắc phục nó phải gắn liền với những đổi thay cơ bản của thể chế. Hiện nay, định kiến dai dẳng này đã dần được xoá bỏ khi xã hội đã phát triển theo chiều hướng văn minh, tiến bộ. |

***Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu về đoạn trích tuồng***

***Diagram

Description automatically generated with low confidence***

***Diagram

Description automatically generated***

***A picture containing graphical user interface

Description automatically generated***

***Text

Description automatically generated***

***Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Phụ lục 3. Rubic chấm bài viết kết nối đọc***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**TIẾT 5. VĂN BẢN 3:**

**MÚA RỐI NƯỚC – HIỆN ĐẠI SOI BÓNG TIỀN NHÂN**

**( Phạm Thùy Dung)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**Học sinh củng cố** văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng, giúp học sinh có thể:

- Củng cố được kiến thức về đặc điểm của một văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật hiện tượng.

- Hiểu được đặc sắc của rối nước – một loại hình nghệ thuật biểu diễn đã cùng với chèo, tuồng làm nên những giá trị độc đáo của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam .

**2. Về năng lực**

* **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để đọc hiểu văn bản

**3. Về phẩm chất**: **Học sinh nêu** được cảm xúc suy nghĩ về rối nước nói riêng và về nghệ thuật cổ truyền nói chung

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * Học sinh hứng thú tạo tâm thế tích cực cho bài học   **b. Nội dung thực hiện:**   * GV chiếu hình ảnh clip về nghệ thuật múa rối nước và đặt câu hỏi: ***Con hiểu và đã biết được những thông tin gì về nghệ thuật múa rối nước?*** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chiếu hình ảnh,clip  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của học sinh |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh củng cố** văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng, học sinh có thể  - **Tóm tắt** những thông tin chính của văn bản  - **Xác định** những thông tin cho phép khẳng định múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền thống thấm đẫm tinh thần Việt”  - **Nêu** đặc điểm của cách triển khai thông tin trong văn bản và phân tích mức độ thuyết phục  - **Nêu** nhận xét về phần sa – pô của văn bản và khái quát cách viết sa – pô nói chung  **b. Nội dung thực hiện**  HS thảo luận nhóm đôi hoặc cá nhân, trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập để tìm hiểu nội dung bài học | |
| **Học sinh hoàn thành phiếu học tập theo nhóm hoặc cá nhân**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thực hành  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo  Gv giải thích thêm **\*Chức năng của sapô**   * Hoàn thiện tít, nói rõ chủ đề bài viết và giúp độc giả hình dung được bài viết sẽ nói gì * Tóm tắt thông tin hoặc đưa ra nội dung chủ yếu * Giải thích bài viết, chỉ ra tại sao tác giả viết về sự kiện hay hiện tượng đó * Nêu rõ hoàn cảnh bài viết ra đời * Thông báo bố cục, phát triển thông điệp * Hs thảo luận nhóm   **Học sinh hoàn thành phiếu học tập theo nhóm hoặc cá nhân**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thực hành  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | 1. **Tìm hiểu chung** 2. **Xuất xứ:** Văn bản in trong tạp chí Heritage, số ra tháng 7/2019**.** 3. **Thể loại:** văn bản thông tin 4. **Bố cục**   + Phần 1 (sa-pô): Rối nước - ấn tượng nổi bật đầu tiên.  + Phần 2: ( Đoạn 1,2,3): Nguồn gốc, thời gian, không gian biểu diễn rối nước.  + Phần 3 ( Đoạn 4): Con rối trong trò rối nước  + Phần 4 (còn lại): Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước.  4. **Tóm tắt những thông tin chính của văn bản**  - Múa rối nước được hình thành từ thế kỉ XI – XII, thường được biểu diễn trong hội làng, lễ Tết, sau này là các sân khấu, nhà hát..  - Tạo hình và kĩ thuật biểu diễn cố gắng truyền tải nét truyền thống tới khán giả  - Sự khác nhau giữa 2 loại hình rối nước và rối cạn.  - Múa rối nước trong bối cảnh xã hội hiện đại  **II**. **Đọc hiểu văn bản**   1. **Đoạn Sapô của văn bản:**  * Được viết thành 1 đoạn riêng biệt * Trình bày ngay đầu tiên * Phông chữ: khác với văn bản * Nội dung: tóm tắt những thông tin chính xác của nghệ thuật múa rối nước  1. **Nguồn gốc, thời gian, không gian biểu diễn rối nước**   - Nguồn gốc: tương truyền được hình thành từ thế kỉ XI – XII. Múa rối nước “*bắt đầu nảy mầm, len lỏi trong lòng các xóm làng chiêm trũng rồi lớn dần lên giữa những sinh hoạt nhỏ bé đời thường*”. 🡪 *Theo thời gian múa rối nước ngày càng trở nên phổ biến và hoàn thiện thông qua những đúc kết của nhiều thế hệ*  - Không gian:  + Trước kia: biểu diễn trên thủy đình, dựng trên mặt ao làng.  + Ngày nay: thủy đình được dựng ngay trong các nhà hát và trong các khu du lịch  🡪 Nơi biểu diễn gần gũi với môi trường sống của người dân lao động.   * 🡪 **Múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền 3. Con rối trong trò rối nước**   - Chế tác: những con rối được đẽo gọt từ gỗ sung và được tạo hình rất ngộ nghĩnh  - Điều khiển: Người điều khiển sử dụng hệ thống sào kết hợp với dây được gắn ở phần thân dưới để điều khiển con rối   * - Vật liệu dùng để chế tác con rối có thể tìm được rất dễ dàng trong môi trường sống của người Việt, đặc biệt, không gian mặt nước dùng làm sân khấu là không gian hoàn toàn quen thuộc ở nông thôn Việt Nam.   **4. Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước**  - Vẫn được duy trì và bảo tồn  - Cần có sự tâm huyết tìm tòi, sáng tạo, gìn giữ môn nghệ thuật truyền thống  - Khó khăn: hiện nay có nhiều loại hình nghệ thuật mới ra đời  **🡪 Nhận xét về cách triển khai thông tin:**  Thông tin được triển khai theo trình tự hợp lý:   * Trình tự thời gian: quá khứ đến hiện tại, tương lại * Logic: Đi từ những cái chung, khái quát như thời gian, không gian đến điểm nhấn cụ thể, đặc sắc nhất là con rối.   **III. Tổng kết**   1. **Nội dung:**  * Văn bản cung cấp thông tin cho người đọc về một loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc ta: múa rối nước * Thể hiện niềm tự hào và ca ngợi bộ môn truyền thống để người đọc hiểu và trân trọng * Thấy được thách thức và khó khăn của múa rối nước xã hội hiện nay  1. **Nghệ thuật:**  * Lời văn rõ ràng, rành mạch * Ngôn từ phù hợp với văn bản thông tin * Văn phong mạch lạc, dễ hiểu * Thể hiện những đặc trưng của một bài tạp chí như nội dung, sapô, bố cục… |
| 1. **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  ***Viết đoạn văn khoảng 150 chữ về chủ đề Múa rối nước – món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam***  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực bài viết.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bài làm tham khảo**  Chắc hẳn trong mỗi chúng ta ai cũng đã từng nghe về bộ môn múa rối nước, đây là loại hình nghệ thuật được xem là món quà kì diệu từ đồng ruộng của làng quê Việt Nam. Bộ môn này hình thành từ thời xa xửa xa xưa, gắn với nếp sống, nếp sinh hoạt và cách cảm cách nghĩ của con người Việt Nam. Chúng được hình thành từ những người nghệ nhân chân chất, từ ao làng, mái đình, mái chùa cổ kính, đến cả những nguyên liệu để làm ra con rối cũng từ gỗ sung, những thứ dân dã và gần gũi với làng quê Việt Nam. Bước ra từ đồng ruộng, thôn quê, với những gì thân thuộc nhất với con người Việt Nam, ngày nay, múa rối nước đã đi vào thành phố, vào nhà hát, trung ương,… nhưng vẫn giữ được những nét đặc trưng ở nơi mà nó ra đời, vẫn là bộ môn nghệ thuật đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh nêu** được cảm xúc suy nghĩ về rối nước nói riêng và về nghệ thuật cổ truyền nói chung  **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh thảo luận và chia sẻ cảm nhận về nghệ thuật múa rối nước và đưa ra các phương án duy trì và phát huy các văn hóa dân gian truyền thống của dân tộc | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩa và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ | ***Gợi ý một số cảm nhận của học sinh:*** Văn bản cho em những cảm nhận tốt đẹp và mới mẻ về múa rối nước. Em cảm nhận được múa rối nước là loại hình nghệ thuật cổ truyền và lâu đời của dân tộc ta, mang nhiều những nét đặc trưng và thể hiện văn hóa của người Việt. Tuy nhiên, em cũng cảm thấy hơi buồn vì bộ môn này hiện nay không còn được chào đón như trước và đang gặp những khó khăn khi tiếp cận khán giả hiện đại, em mong mọi người và những nghệ nhân múa rối nước sẽ cố gắng bảo tồn và duy trì loại hình nghệ thuật đậm đà bản sắc này của Việt Nam. |

***Phục lục 1. Phiếu học tập về Múa rối nước – Tiền nhân soi bóng hiện đại***

***Text

Description automatically generated***

***Text

Description automatically generated with low confidence***

***A picture containing text

Description automatically generated***

***Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Phụ lục 3. Rubic viết kết nối với đọc***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**TIẾT 6. VIẾT**

**VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh nêu** được vấn đề muốn nghiên cứu về văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam
* **Học sinh xây dựng** được hệ thống luận điểm sáng rõ; làm nổi bật được các kết quả nghiên cứu với những cứ liệu minh họa cụ thể, sát hợp
* **Học sinh sử dụng** ngôn ngữ khách quan, khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu và thể hiện quan điểm đánh giá riêng
* **Học sinh khái quát** được ý nghĩa của vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam đã chọn nghiên cứu

**2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực** ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu

**3. Về phẩm chất**: **Học sinh thể hiện** được thái độ trung thực khi kế thừa kết quả nghiên cứu của những người khác

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Củng cố kiến thức đã học về viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề đã học ở bài 4  - Dẫn dắt vào nội dung bài học mới  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV: đưa 5 câu hỏi dạng nối cột, mỗi câu 2 điểm; học sinh lựa chọn từ còn thiếu điền vào chỗ trống trong thời gian 20s/câu hỏi. Sau đó học sinh đối chiếu với đáp án trên slide, đổi bài cho bạn ngồi bên chấm chéo. * HS chấm chéo và thông báo điểm cho giáo viên. | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi:   |  |  | | --- | --- | | a. Chỉnh sửa, hoàn thiện | 1. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề nhằm phát triển kỹ năng …., khám phá về đời sống xã hội và tự nhiên qua tư liệu thu thập được. | | b. Tài liệu tham khảo | 2. Mục đích của bài viết báo cáo nghiên cứu là trình bày kết quả nghiên cứu thông qua các… sáng rõ, thông tin xác thực. | | c. Luận điểm | 3. Đề cương bài báo cáo nghiên cứu có … phần | | d. Tìm hiểu | 4. Cuối bài báo cáo nghiên cứu phải có danh mục …. | | e. 4 | 5. Khâu cuối cùng trong viết báo cáo nghiên cứu là: …. |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh trả lời nhanh vào phiếu cá nhân  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ đáp án với bạn – chấm chéo  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | | **Gợi ý đáp án**  1. d  2. c  3. e  4. b  5. a |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU YÊU CẦU KIỂU BÀI**  **a. Mục tiêu hoạt động**  **-** Học sinh hệ thống được 5 yêu cầu kiểu bài viết báo cáo về một vấn đề  **b. Nội dung thực thiện**  **- gv** gọi 01 hs đọc to mục “Yêu cầu” sgk/140  - Hs đọc to. Gv gọi hs khác chốt mỗi yêu cầu bằng một vài từ khóa.  - Hs ghi vào vở từ khóa vừa được thống nhất | | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  Em hãy đọc to mục “Yêu cầu” sgk/140.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh đọc to nội dung  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Học sinh thống nhất từ khóa và ghi lại vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Gv chốt từ khóa | | Yêu cầu kiểu bài báo cáo nghiên cứu:  - Nêu vấn đề nghị luận  - Xây dựng luận điểm, cứ liệu  - Ngôn ngữ khoa học  - Khái quát ý nghĩa  - Thái độ trung thực |
| **2. HOẠT ĐỘNG 3: ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh xác định** được ý nghĩa đặt nhan đề cho bài báo cáo nghiên cứu * **Học sinh xác định** được hệ thống luận điểm, cứ liệu minh họa * **Học sinh chỉ ra tính chất** ngôn ngữ khách quan, khoa học của bài nghiên cứu, xác định quan điểm đánh giá riêng của tác giả. * **Học sinh khái quát** được ý nghĩa của vấn đề báo cáo nghiên cứu   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh tìm hiểu bài viết tham khảo “Ngôn ngữ đối thoại trong chèo” * Học sinh định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc thật kĩ bài viết tham khảo và tự trả lời các câu hỏi cuối bài   Nhóm 1 câu 1  Nhóm 2 câu 2  Nhóm 3 câu 3  Nhóm 4 câu 4   * HS hoàn thành nhiệm vụ vào phiếu học tập số 1   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh trả lời câu hỏi  Học sinh rút ra được các bước để thực hiện một báo cáo nghiên cứu  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức | | **1. Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho biết điều gì về nội dung và phạm vi nghiên cứu?**  Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho thấy nội dung và phạm vi nghiên cứu là về loại hình sân khấu chèo và ngôn ngữ đối thoại của chèo.  **2. Báo cáo nghiên cứu có những luận điểm chính nào?**  *Những luận điểm chính của bản báo cáo:*   1. Một câu đối thoại hay là một câu nói vừa giải thích được những đặc điểm riêng của nhân vật đồng thời lại là sự thể hiện của nhân vật đó. 2. Ngôn ngữ trong vở chèo mang tính tư tưởng. 3. Trong khi viết ngôn ngữ cho nhân vật, các tác giả xưa rất chú ý đến nhịp điệu và âm luật câu văn. 4. Ở một số vở chèo xưa, có những nhân vật không hề có tiếng nói của bản thân họ mà nói bằng một loại ngôn ngữ nâng cao. 5. Một đặc điểm nữa trong ngôn ngữ đối thoại trong chèo là tính ước lệ. 6. Về mặt hình thái văn học, ngôn ngữ trong chèo được trình bày dưới ba dạng: nói thường, nói có tuyền luật và hát.   **3. Tác giả đã sử dụng cứ liệu như thế nào để làm sáng tỏ các luận điểm?**  Tác giả đã sử dụng những cứ minh họa rất chọn lọc lấy từ nhiều kịch bản chèo khác nhau để tăng tính thuyết phục  **4. Cuối báo cáo nghiên cứu không có danh mục tài liệu tham khảo? Hãy cho biết suy nghĩ của bạn về điều này.**  *-* Phần cuối không có danh mục tài liệu tham khảo, từ đó cho thấy người viết báo cáo này có kiến thức rất tốt về chèo và chủ động, tích cực, không dựa dẫm vào các nguồn tài liệu có sẵn.  - Tài liệu tham khảo chỉ là một phần của chuyên khảo “Mấy vấn đề trong kịch bản chèo”+ các điều kiện nghiên cứu có tính đặc thù.  - Tuy nhiên, việc lập danh mục và sử dụng các tài liệu tham khảo là cần thiết bởi yêu cầu khoa học nghiêm túc và đảm bảo sự kế thừa, phát triển, tránh tình trạng đạo văn. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: THỰC HÀNH VIẾT**  **a. Mục tiêu hoạt động:** học sinh nắm rõ quy trình viết, lập đề cương bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam  **b. Nội dung thực hiện**  HS hoàn thành *Phiếu bài tập số 2* đã giao thực hiện ở nhà các cột (1) và (2). Lên lớp bắt cặp chia sẻ với bạn khác. Bạn hoàn thành đánh giá chéo vào cột (3).  HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một vấn đề; mỗi nhóm thiết lập đề cương bài viết báo cáo nghiên cứu. Sau đó một nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung. | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  1. Gv đã giao nhiệm vụ cho hs lập bảng tóm tắt ở nhà theo *Phiếu học tập số 2*. Học sinh bắt cặp chia sẻ với bạn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình** | **Thao tác** | **Điều lưu ý** | | **Chuẩn bị viết** |  |  | | **Xây dựng đề cương** |  |  | | **Viết** |  |  | | **Chỉnh sửa, hoàn thiện** |  |  |   Gv gọi đại diện 1 hs trình bày phần tóm tắt và lấy ý kiến đánh giá, bổ sung.  2. Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm làm bài tập thực hành viết báo cáo nghiên cứu  Nhóm 1,2: Vai diễn “hề” trong chèo.  Nhóm 3,4: Áo dài Việt Nam trên con đường hội nhập và giao lưu văn hóa.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp vào phiếu học tập số 2  Học sinh thực hành theo nhóm thiết lập đề cương  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trình bày phần bài làm của nhóm mình. Nhóm khác phản biện, bổ sung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **1. Tìm hiểu quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  Quy trình viết gồm 4 giai đoạn:  **- Chuẩn bị viết**  + Lựa chọn đề tài  + Thu thập thông tin  **- Xây dựng đề cương**  + Đặt vấn đề  + Giải quyết vấn đề  + Viết  + Chỉnh sửa, hoàn thiện  **- Kết luận**  **- Tài liệu tham khảo**  **2. Bài thực hành**  **a. Vấn đề 1: Vai diễn “hề” trong chèo**  **Đặt vấn đề**  Nhân vật hề chèo là hồn vía của chèo cổ làm nên nét đặc sắc, giá trị độc đáo của chèo dân gian  **Giải quyết vấn đề**  - Tiếng cười châm biếm đả kích  - phân loại: Hề gậy, hề môi, phù thủy, thầy mù, đồ điếc….  - Cách thức gây cười:  + tên gọi anh Nô, mẹ Đốp, cu sứt, dáng đứng, việc làm, hóa trang…  + tiếng đế, pha trò  + ngôn ngữ dân gian để nói lên nỗi lòng của người bị áp bức  - Giá trị, ý nghĩa vai hề chèo  + Đại diện cho người lao động, bênh vực cái đúng, cái thiện, lên án cái xấu  + mang lại tiếng cười, mỉa mai, cay đắng chua xót hiện thực xã hội với nhiều cung bậc cảm xúc hỉ, nộ, ái, ố.  + hề chèo như tấm gương để con người soi mình mà hoàn thiện bản thân, sửa mình.  - Hội nhập, hề chèo có còn ý nghĩa?  Trên con đường hội nhập, hề chèo nói chung và hề chèo nói riêng cần hòa quyện với nét dân tộc với hiện đại để bảo tồn tiếng cười cốt lõi của chèo.  **Kết luận**  *Phi hề bất thành chèo*. Vai diễn hề chính là hồn cốt của một vở chèo.  🡺 Chèo VN là môn nghệ thuật của sân khấu phương Đông: đẹp, thơ, đa tình, vui nhộn  **Tài liệu tham khảo** 1. Giá trị các vai diễn hề trong nghệ thuật chèo truyền thống https://vtv.vn/viet-nam-va-the-gioi/gia-tri-cac-vai-dien-he-trong-nghe-thuat-cheo-truyen-thong-20170326162906502.htm 2. Quan âm thị kính – Nhà hát chèo Việt Nam<https://youtu.be/ExRbnhQQW20>3. Vở chèo Súy Vân – Nhà hát chèo Việt Nam <https://youtu.be/7frGv4YAT1A> **b. Vấn đề 2: Áo dài Việt Nam trên con đường hội nhập và giao lưu văn hóa quốc tế.**  Đặt vấn đề  **Áo dài Việt là trang phục dân tộc, chứa đựng cả bề dầy lịch sử, truyền thống văn hóa, những quan niệm thẩm mỹ, ý thức và tinh thần dân tộc của người Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm của thời gian, số phận chiếc áo dài ra sao trên hành trình hội nhập và giao lưu văn hóa quốc tế?**  **Giải quyết vấn đề**  - Áo dài Việt Nam có nguồn gốc lịch sử lâu đời và thể hiện quan niệm thẩm mỹ của văn hóa Việt Nam.  - Trên con đường hội nhập, giao lưu văn hóa quốc tế, giá trị áo dài không ngừng được nâng cấp và phát huy  - Hình thành văn hóa mặc áo dài cả trên phương diện lứa tuổi, giới tính và không gian sử dụng.  - Hiện tượng lạm dụng, cải biến thái quá áo dài  - Vấn đề bản quyền và xây dựng thương hiệu áo dài Việt Nam trên thị trường quốc tế cần được quan tâm đúng mực  **Kết luận**  Áo dài Việt Nam là bộ quốc phục; biểu tượng cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam và làm bản sắc dân tộc Việt Nam; góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam rộng rãi khắp thế giới.  Chúng ta phải giữ gìn, bảo vệ và phát huy chiếc áo dài truyền thống của dân tộc vững bền trên con đường hội nhập với thế giới.  **Tài liệu tham khảo**  1. Hà Tùng Long, Áo dài Việt Nam: Từ trống đồng Đông Sơn đến “đấu trường” nhan sắc quốc tế, dantri.com.vn, 24-2-2016.  2. Thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát, sites.google.com.  3. Minh Hải - Cồ Việt, Tổ nghề áo dài - Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát, kyluc.vn, 5-4-2016.  4. Ngô Thủy, ***Lịch sử phát triển áo dài Việt Nam qua các thời kỳ***, dientungaynay.vn, 4-3-2020.  5. Đào Duy Anh, ***Việt Nam văn hóa sử cương***, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tái bản, 2002, tr.203-204.  6. Đại Ngọc, theo Helino, Giữa lùm xùm mẫu áo dài bị “copy”, NTK Thủy Nguyễn khẳng định: “Sản phẩm kia giống thiết kế gốc của tôi đến hơn 90%”, kenh14.vn, 22-11-2019. | |
| **5. HOẠT ĐỘNG 5: DẶN DÒ VÀ PHIẾU RỜI LỚP**  **a. Mục tiêu hoạt động:**  Hs biết viết hoàn chỉnh bài báo cáo nghiên cứu  Học sinh tự đánh giá nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**  Dựa trên dàn ý đã thiết lập, mỗi cá nhân trong nhóm ban đầu sẽ triển khai thành bài viết báo cáo hoàn chỉnh. Sau đó chấm chéo theo bảng tiêu chí giáo viên đưa ra.  Hs hoàn thành *Phiếu rời lớp* | | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh ghi chú bài tập về nhà và thực hiện phiếu rời lớp  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | | C:\Users\Asus\Downloads\Lớp.png |

**Phụ lục1: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – NHÓM 1**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – NHÓM 2**

**RUBIC ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu bài  Sai phương thức thuyết minh | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh  Chuẩn phương thức biểu đạt  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh  Chuẩn phương thức biểu đạt  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**Phụ lục 4: PHIẾU RỜI LỚP**



**TIẾT 7. NÓI VÀ NGHE**

**LẮNG NGHE VÀ PHẢN HỒI VỀ MỘT BÀI THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh xác định** rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình
* **Học sinh đánh giá** đúng được nội dung chính của bài thuyết trình (vấn đề được đề cập, các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,…)
* **Học sinh đánh giá** được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cóa nghiên cứu của tác giả
* **Học sinh nhận xét** được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,… khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu

**2. Về năng lực: Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

**3. Về phẩm chất**: **Học sinh thể hiện** thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả đã đạt được

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * Thảo luận cặp đôi : Xem một đoạn video về trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu đã thực hiện ở bài 4 và thảo luận cặp đôi : Theo em, bài báo cáo kết quả nghiên cứu có cần được phản hồi không? Điều quan trọng nhất khi phản hồi một bài báo cáo nghiên cứu là gì? | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ : Xem một đoạn video về trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu đã thực hiện ở bài 4 và thảo luận cặp đôi : Theo em, bài báo cáo kết quả nghiên cứu có cần được phản hồi không? Điều quan trọng nhất khi phản hồi một bài báo cáo nghiên cứu là gì?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận cặp đôi, thống nhất câu trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Một số cặp đôi trình bày, phản biện  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **Gợi ý đáp án**  - Bài báo cáo kết quả nghiên cứu cần nhiều ý kiến phản hồi để giúp tác giả nhìn nhận vấn đề từ nhiều chiều, nhiều hướng, từ đó có thể hoàn thiện , bổ sung sản phẩm của mình một cách tốt nhất.  - Tập trung lắng nghe và đưa ra các góp ý thiện chí, xây dựng cho công trình nghiên cứu của tác giả |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh xác định** rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình * **Học sinh đánh giá** đúng được nội dung chính của bài thuyết trình (vấn đề được đề cập, các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,…) * **Học sinh đánh giá** được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả * **Học sinh nhận xét** được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,… khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe * Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe * Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi :  + Theo em, trước khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần chuẩn bị những gì?  + Khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần lưu ý những điều gì?  - GV yêu cầu nhóm 1 (tổ 1) chuẩn bị bài thuyết trình ở nhà (dựa vào báo cáo về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam), thảo luận rà soát lại : vấn đề nghiên cứu, các luận điểm chính, bằng chứng, lí lẽ, những phát hiện mới, phân công người thuyết trình, minh họa, phụ trách PP…  Người thuyết trình dự kiến phần mở đầu, triển khai, kết luận.  - GV yêu cầu các nhóm còn lại thực hiện việc chuẩn bị nghe : tìm hiểu về tên bài thuyết trình, tự đặt ra những câu hỏi cần giải đáp về vấn đề, ghi lại những điều mình đã biết và muốn biết và bảng K-W-L, chuẩn bị phiếu nghe, phiếu đánh giá  Đọc kỹ các công việc của người nghe : lắng nghe phần mở đầu, kết thúc để nắm bắt mục đích; nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình, theo dõi đánh giá các hình ảnh, sơ đồ, phát hiện tư liệu bằng chứng chưa đủ độ tin cậy…  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Suy nghĩ trả lời câu hỏi :  +Theo em, trước khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần chuẩn bị những gì?  + Khi thực hành nói và nghe, người nói và người nghe cần lưu ý những điều gì?  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ mà giáo viên giao.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Một HS trả lời câu hỏi, một HS khác nhận xét, bổ sung, các HS còn lại ghi chép, bổ sung vào vở  - Đại diện các nhóm báo cáo việc chuẩn bị nói và nghe của nhóm mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | 1. **CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE**   **1. Chuẩn bị nói**  - HS cần xây dựng một bài nói thuyết trình kết quả nghiên cứu, lưu ý nêu rõ vấn đề nghiên cứu, các luận điểm chính được đề xuất, những bằng chứng, lí lẽ đã sử dụng để làm rõ hệ thống luận điểm.  - Đặc biệt cần nhấn mạnh những phát hiện mới về vấn đề.  - Cần sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,… nhằm cụ thể hóa, trực quan hóa nội dung bài thuyết trình.  **2. Chuẩn bị nghe**  - Cần tìm hiểu trước về tên của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu, cũng là vấn đề sẽ được trình bày để có được tâm thế chủ động khi nghe và phản hồi về bài thuyết trình  - Cần hình dung được những câu hỏi cần giải đáp về vấn đề để dễ nhận ra nét riêng trong cách tiếp cận và giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu mà tác giả bài thuyết trình đã thực hiện  - Ghi lại những điều bạn đã biết và muốn biết trước khi nghe bài thuyết trình   1. **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**   **1. Người nói**  - Mở đầu: Nêu vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó; trình bày ngắn gọn về cách thức và quá trình thực hiện công việc nghiên cứu  - Triển khai: Dựa vào văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu để trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong công trình nghiên cứu, kết hợp với việc trình chiếu powerpoint nếu có  - Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu chính, khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu và gợi mở những hướng tiếp cận mới  **2. Người nghe**  - Nắm bắt được mục đích nghiên cứu của người thuyết trình (chú ý lắng nghe phần mở đầu và kết thúc của bài thuyết trình để có được những thông tin cần thiết)  - Nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu (luận điểm lớn, luân điểm nhỏ, bằng chứng, hình ảnh, số liệu,…). Khi lắng nghe thuyết trình, nên ghi lại các từ khóa dùng một số kí hiệu thông dụng để đánh dấu các luận điểm lớn, luận điểm nhỏ và mối quan hệ giữa chúng  - Theo dõi và đánh giá được tác dụng tích cực của các hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, động tác hình thể mà tác giả của bài báo cáo nghiên cứu đã sử dụng lúc thuyết trình  - Phát hiện các tư liệu, bằng chứng chưa đủ độ tin cậy trong bài thuyết trình: xem xét kĩ xuất xứ các dữ liệu, bằng chứng được cung cấp để kiểm chứng tính chính xácm trung thực, đáng tin cậy của nguồn thông tin, phát hiện ra những điểm mâu thuẫn trong lập luận của người thuyết trình. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  - Nhóm 1 thực hành báo cáo kết quả nghiên cứu  - Nhóm 2,3,4 : lắng nghe, điền vào phiếu nghe những thông tin mà mình nghe được, đồng thời ghi lại câu hỏi của mình trong khi nghe, nhận xét, đánh giá vào phiếu đánh giá, điền vào bảng K-W-L những điều mình học được  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành nói – nghe  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm 2,3,4 chia sẻ các phiếu nghe và phiếu đánh giá của nhóm, bảng K-W-L  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GVđánh giá phần làm việc của các nhóm, chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Dàn ý tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)** |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói  **b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  - Nhóm 2,3,4 : thảo luận đưa ra câu hỏi làm rõ thêm một số vấn đề trong nội dung bài thuyết trình; phản biện những điểm còn mơ hồ, thiếu chính xác, các lỗi trong bài thuyết trình; đánh giá khái quát nội dung thuyết trình; Trình bày góc nhìn, kiến giải khác (nếu có)  Từ đó chốt lại một số cách phản hồi của người nghe đối với bài thuyết trình.  - Nhóm 1 : tiếp nhận ý kiến của 3 nhóm, trao đổi, phản biện, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện  Từ đó chốt lại một số cách tiếp nhận phản hồi của người nói  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm 2,3,4 lần lượt đưa ra các ý kiến trao đổi ( không nêu lại những ý kiến trùng nhau)  - Đại diện nhóm 1 lần lượt phản biện, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV đánh giá phần làm việc của các nhóm, chốt lại những lưu ý đối với người nói và người nghe khi trao đổi; nhắc HS về những nguyên tắc trong trao đổi : tôn trọng người nói, bình đẳng trong giao tiếp, cách tranh biện, giải quyết xung đột… | 1. **Trao đổi**   **1. Người nghe**  Sau khi lắng nghe một cách tích cực nội dung bài thuyết trình, bạn có thể phản hồi lại bằng cách:  - Đặt câu hỏi với thái độ tìm hiểu chân thành đề nghị người thuyết trình làm rõ thêm một số vấn đề trong nội dung bài thuyết trình  - Phản biện những điểm còn mơ hồ, mâu thuẫn, thiếu chính xác trong bài thuyết trình với thái độ xây dựng: chỉ ra những lỗi về lập luận, đối chiếu các dữ liệu được trình bày với các dữ liệu từ các nguồn thông tin khác để giúp người nói chỉnh sửa hoàn thiện bài thuyết trình  - Đánh giá khái quát về nội dung bài thuyết trình và sự thuyết trình, chỉ ra được những điểm tích cực và điểm chưa hợp lí  - Trình bày góc nhìn, cách kiến giải khác về vấn đề được bài thuyết trình đề cập (có thể là quan điểm của tác giả khác hoặc quan điểm của bạn)  **2. Người nói**  Tiếp nhận ý kiến, phản hồi và trao đổi với các thành viên khác trong nhóm, lớp với thái độ cầu thị (bảo lưu hoặc tiếp thu, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện) |

***Phụ lục 1. Dàn ý bài nói tham khảo***

**\* Vấn đề nghiên cứu: Nghệ thuật sân khấu chèo.**

**\* Một số luận điểm chính:**

- Những loại hình văn hóa như chèo, tuồng, cải lương,... qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển dù mang đậm chất địa phương của từng vùng nhưng khái quát chung vẫn mang đậm chất văn hóa dân gian Việt Nam. Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền dân gian lâu đời nhất của Việt Nam.

- Sân khấu biểu diễn chèo đa dạng: sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.

- Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò...

- Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ.

***Phụ lục 2. Bài nói tham khảo***

Chèo là nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống xuất hiện từ lâu đời và mang bản sắc dân tộc đậm đà nhất của dân tộc Việt Nam. Trong kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian dân tộc, chèo là một loại hình sân khấu kịch hát đậm đà tính dân tộc, với sự kết hợp nhuần nhuyễn của hàng loạt yếu tố: hát, múa, nhạc, kịch mang tính nguyên hợp vô cùng độc đáo. Cách bài trí sân khấu hát chèo là một khâu quan trọng để góp phần tạo nên giá trị văn hóa đặc sắc của loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian này.

      Dựa trên khảo sát, thống kê cách bài trí sân khấu của một số vở chèo đã được trình diễn, chúng tôi nhận thấy các dụng cụ trên sân khấu của từng vở chèo đều có vai trò khác nhau, có sự liên quan đến nội dung kịch bản. Chúng tôi cho rằng không thể dùng cách bài trí sân khấu của các loại hình nghệ thuật khác để đánh giá cách bài trí sân khấu của chèo.

      Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc Kinh, Nhật Bản có kịch nô đại diện cho nghệ thuật truyền thống thì tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo. Sân khấu chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, mà cũng rất đa dạng có thể là sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.

      Trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm các bài dân ca, nhưng do ảnh hưởng của nghệ thuật do người lính bị bắt mang tới, chèo có thêm phần hát. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Tiếng hát chèo đã đi vào tiềm thức của bao thế hệ người Việt, chúng ta ấn tượng về chèo qua những câu ca dao:

*Ăn no rồi lại nằm khoèo*

*Nghe giục trống chèo bế bụng đi xem*

*Chẳng thèm ăn chả ăn nem*

*Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo*

      Trong kịch bản chèo, các nhân vật hiện ra qua những cái tên, qua hình tượng được tác giả tạo dựng, còn trên sân khấu chèo, các diễn viên sẽ là người lột tả cái hay, cái đẹp, cái xấu, cái ác của các nhân vật đó. Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò... Điển hình là một số nghệ sĩ như NSUT Thu Huyền, NSƯT Thảo Quyên, NSƯT Văn Bằng, NSUT Thu Hà, NSND Đình Óng, NSND Quốc Trượng,… là những nghệ sĩ đã hiện thực hóa hình tượng các nhân vật trong kịch bản chèo.

      Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói “phi trống bất thành chèo” chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Trong chèo hiện đại có sử dụng thêm các nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như đàn thập lục, đàn tam thập lục, đàn nguyệt, tiêu v.v...

      Hát chèo đã từng in đậm nét trong tiềm thức dân gian người Việt, không chỉ riêng với đồng bằng Bắc Bộ mà còn tỏa rộng, vươn xa trong đời sống văn hóa - nghệ thuật đương đại của đất nước. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội, các loại hình giải trí mới ra đời, nhiều người đã không còn mặn mà với sân khấu chèo nữa. Sân khấu cổ truyền Việt Nam nói chung và nghệ thuật chèo nói riêng dần dần mất đi vị thế của mình.

      Các nghiên cứu về chèo nói chung và nghiên cứu về sân khấu chèo nói riêng còn tồn động rất nhiều vấn đề chưa được triển khai cụ thể. Chính vì vậy mà các kịch bản chèo đang dần biến mất, nghệ thuật sân khấu chèo đang dần bị lãng quên bởi sự phát triển nhanh chóng của xã hội. Chèo cần có sự thích nghi nhất định với thời cuộc để tránh bị rơi vào hoàn cảnh như một di sản phi vật thể chỉ để bảo tồn, tránh làm mất đi một trong những hình thức nghệ thuật kể chuyện bằng sân khấu tiêu biểu nhất của dân tộc.

***Phụ lục 3. Phiếu nghe***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN BÀI THUYẾT TRÌNH**  Tên người trình bày: | | |
| Mục đích của người nói: | | |
| Cấu trúc bài  thuyết trình | Mở bài  Triển khai |  |
| Kết luận |  |
| Nội dung  thuyết trình | Ý chính |  |
| Ý phụ |  |
| Bằng chứng,  số liệu, hình ảnh |  |
| Câu hỏi |  | |
| Nhận xét, đánh giá |  | |

***Phụ lục 4. Rubic đánh giá bài nói***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Vấn đề thuyết trình thú vị và có ý nghĩa, giúp người nghe có thêm hiểu biết mới |  |  |
| **2** | Thông tin về quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu chính được thuyết trình rõ ràng, mạch lạc |  |  |
| **3** | Bài thuyết trình có đủ ba phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận |  |  |
| **4** | Người nói có phong thái tự tin, diễn đạt lưu loát, truyền cảm |  |  |
| **5** | Các phương tiện hỗ trợ (Powerpoint, hình ảnh minh họa, bảng biểu,…) được sử dụng hiệu quả |  |  |
| **6** | Người nói tương tác tích cực với người nghe khi thuyết trình |  |  |
| **7** | Người nói có tinh thần cầu thị khi trao đổi, đối thoại với người nghe |  |  |

**CỦNG CỔ MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh nhắc lại** những kến thức về chèo, tuồng dân gian và nêu được những kiến thức mong muốn được bổ sung về loại hình nghệ thuật dân gian này.
* **Học sinh thể hiện** được thái độ, tình cảm với các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian như chèo, tuồng, múa rối nước.
* **Học sinh lựa chọn** một đề tài phù hợp và hoàn thành báo cáo kết quả nghiên cứu mới (ngoài báo cáo đã viết)
* **Học sinh dành thời gian** xem và đọc thêm các vở tuồng, chèo và sân khấu dân gian

**2. Về năng lực**

**Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để ôn tập và luyện viết

**3. Về phẩm chất**: Rút ra các bài học về văn hóa, bảo tồn và lưu giữ văn hóa truyền thống của dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV đặt câu hỏi: Con hãy chia sẻ ít nhất 3 bài học con ghi nhớ hoặc cho rằng thú vị sau khi học hết chủ đề 5? | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **Gợi ý đáp án**  GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS để dẫn dắt |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh nhắc lại** những kến thức về chèo, tuồng dân gian và nêu được những kiến thức mong muốn được bổ sung về loại hình nghệ thuật dân gian này. * **Học sinh thể hiện** được thái độ, tình cảm với các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian như chèo, tuồng, múa rối nước. * **Học sinh lựa chọn** một đề tài phù hợp và hoàn thành báo cáo kết quả nghiên cứu mới (ngoài báo cáo đã viết) * **Học sinh dành thời gian** xem và đọc thêm các vở tuồng, chèo và sân khấu dân gian   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh chia nhóm thực hiện bài tập trong SGK để ôn tập | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên chia nhóm HS thảo luận để thực hiện bài tập ôn tập số 1 – 2 trong SGK   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành làm bài  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức | **Câu 1. Nêu ngắn gọn những điều bạn đã biết về chèo, tuồng dân gian qua bài học này. Bạn muốn trang bị thêm những kiến thức gì để có thể khám phá thế giới độc đáo của sân khấu chèo, tuồng?**  *\* Những hiểu biết về chèo:*  - Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền Việt Nam. Chèo là một loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường được diễn ở sân đình trong thời gian có các lễ hội.  - Chèo mang tính quần chúng và được coi là loại hình sân khấu của hội hè với đặc điểm sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự, trữ tình.  - Nghệ thuật chèo mang tính tổng hợp, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự phối hợp của các đạo cụ, nhạc khí dân tộc độc đáo. Đặc trưng của chèo là vẫn những câu chuyện đó, tích cũ đó nhưng lối hát, lối diễn của từng nghệ sĩ lại làm nên sự phong phú khác biệt riêng.  *\* Những hiểu biết về tuồng:*  - Tuồng là cách gọi một loại hình nhạc kịch thịnh hành tại Việt Nam, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuồng dân gian.  - Tuồng mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương nhân vật tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lẽ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc.  - Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu hay đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội.  - Học sinh tự nêu những kiến thức muốn được trang bị thêm như: kiến thức về ngôn ngữ tuồng, ngôn ngữ trong múa rối nước hay cách sử dụng cao dao, tục ngữ trong các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian,…  **Câu 2. Sau khi học bài học này, bạn có thái độ, tình cảm như thế nào đối với các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian như chèo, tuồng, múa rối nước?**  - Gợi ý: Nên có thái độ trân trọng, gìn giữ những loại hình nghệ thuật mang ý nghĩa to lớn thể hiện giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc; cảm thấy thêm tự hào và yêu quý đất nước Việt Nam hơn, yêu quý giá trị của những loại hình nghệ thuật này hơn,… |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:**   * **Học sinh viết** bài nghiên cứu về nghệ thuật sân khấu (ngoài bài viết đã thực hiện)   **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubic chấm bài viết | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành viết  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Bài làm tham khảo**  Tham khảo phụ lục 1. bài viết mẫu |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh dành thời gian** xem và đọc thêm các vở tuồng, chèo và sân khấu dân gian  **b. Nội dung thực hiện:** GV có thể cho HS xem các đoạn trích có trong phần video tham khảo | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh xem và tự rút ra những suy ngẫm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại kiến thức của chủ đề | Tham khảo các video về chèo, tuồng trong tư liệu bổ trợ hoặc tham khảo các nguồn tài liệu sau  - Về chèo, có thể tìm đọc: Trần Việt Ngữ, Về nghệ thuật chèo, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2013; Bùi Đức Hạnh, 150 làn điệu chèo cổ, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2006; Hà Văn Cầu, Hề chèo, NXB trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2005;…  - Về tuồng, có thể tìm đọc: Mịch Quang, Tìm hiểu nghệ thuật tuồng, NXB Quân đội nhân dân, hà Nội, 2017; Hoàng Châu ký (Chủ biên), Tổng tập Văn học Việt Nam, tập 15A, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994; Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Tổng tập văn học Việt Nam, tập 12, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000;… |

***Phụ lục 1. Bài làm tham khảo***

**Đề tài: Đặc điểm sân khấu tuồng.**

Tuồng là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền đặc sắc của Việt Nam được hình thành trên cơ sở ca vũ nhạc và các trò diễn xướng dân gian vốn có từ lâu đời và rất phong phú của dân tộc Việt Nam. Tuồng được khởi xướng thời nhà Tiền Lê và có sự giao thoa, tiếp thu cách biểu diễn và hóa trang của hí kịch bên Trung Hoa. Tuy nhiên, lối hát tuồng du nhập vào nước ta khi nào thì hiện tại vẫn chưa xác định thời gian cụ thể. Sân khấu tuồng là một phần không thể thiếu trong việc tạo nên những vở kịch tuồng đặc sắc.

Khác với các loại hình sân khấu khác như chèo, cải lương. Tuồng mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương nhân vật tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lẽ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ của nghệ thuật Tuồng. Có thể nói Tuồng là sân khấu của những người anh hùng... Tuồng cũng được biểu diễn ở sân đình, trong các lễ hội Kỳ Yên ở các đình làng, đôi khi cũng có tư nhân mướn đoàn hát tuồng về biểu diễn tại nhà thì thường có thêm cái trống lèo hoặc thẻ tre để khi có tới cao trào hoặc diễn viên có những câu hát hay thì đánh tưởng thưởng hoặc ném thẻ để tính tiền thưởng khi vãn tuồng.

Trên sân khấu Tuồng, tất cả bắt đầu từ người diễn viên. Cùng với người diễn viên, cảnh tượng mới dần hiện lên; địa điểm thời gian mới được xác định. Với một câu hát, một điệu múa, người nghệ sỹ dựng lên một trời tưởng tượng; lúc là biển cả mênh mông, khi là núi rừng bát ngát; vừa là triều đình, thoắt đã là bãi chiến trờng. Các nghệ nhân biểu diễn phải hóa trang hoặc mang mặc nạ thể hiện đặc trưng nhân vật như: trung, gian, nịnh, hề, tướng,... và phải nói lối (hình thức ca - nói), cách đi đứng, ra bộ phải chuẩn xác cho từng thể loại nhân vật. Thông qua sự biểu hiện của người nghệ sỹ, khán giả không chỉ nhận biết được những thay đổi về không gian, thời gian mà còn thấy những xung đột giằng xé trong nội tâm nhân vật.

Lối diễn xuất của diễn viên tuồng thường nặng tính ước lệ và trình thức, tức là loại sân khấu ước lệ, cách biểu diễn khuếch đại hơn sự thật ngoài đời để khán giả dễ cảm nhận. Nghệ sĩ có động tác càng nhỏ càng nhanh và khi lên sân khấu càng cần tăng cường điệu thì khán giả mới kịp nhận thấy. Kiểu cách đi đứng của nghệ sĩ cũng để biểu lộ cái "tâm" của nhân vật thiện, ác. Mỗi loại nhân vật của tuồng lại có một lối diễn khác nhau, chính diện thường ngay thẳng, cương trực, đi đứng đàng hoàng, còn phản diện thì gian xảo, láo liên, uốn éo.

Ngoài sự thể hiện của người nghệ sĩ trên sân khấu tuồng thì các điệu múa tuồng, lời ca, tiếng hát, nhạc đệm và các dụng cụ trên sân khấu cũng rất cần thiết. Ngôn ngữ ca ngâm thì phải dùng giọng thật to, thật cao và rõ. Điệu hát quan trọng nhất trong hát bội là "nói lối", tức là nói một lúc rồi hát, thường để mở đầu cho các khúc hát khác. Các tuyến nhân vật của tuồng chủ yếu là: kép, tướng, đào, đào võ, lão,... với mỗi loại nhân vật lại có cách hóa trang riêng. Màu sắc dùng để hóa trang trên mặt phổ biến là trắng, đỏ, xanh và màu đen. Mặt trắng (diện mạo đẹp đẽ, tính cách trầm tĩnh), mặt đỏ (người trí dũng, chững chạc), mặt rằn (diện mạo xấu xí, tính cách nóng nảy), mặt tròng xéo đen (tướng phản, hai bên thái dương có vết đỏ là người nóng nảy, nếu tròng xéo đen nền đỏ thắm hay xanh là người vũ dũng), mặt mốc (xu nịnh), mặt lưỡi cày (người đoản hậu, nhát gan)...

Trong tuồng có nhiều yếu tố nghệ thuật tham gia, trong đó âm nhạc giữ một vai trò hết sức quan trọng. Ngoài việc đệm cho hát, cho múa, cho các hiệu quả sân khấu như phong ba bão tố, chiến trận sa trường, đăng đàn bái tướng, âm nhạc trong sân khấu tuồng còn thể hiện tình cảm nhân vật trong các lớp diễn không lời và còn làm cầu nối của thế giới nội tâm nhân vật tới khán giả. Dàn nhạc tuồng gồm có bộ gõ (trống, thanh la, mõ...), bộ hơi (kèn, sáo, chủ yếu là kèn), bộ dây (nhị, cò, hồ, đại, tiểu...) và bộ gảy (tam, tứ, nguyệt...).

Tuồng mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lẽ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ của Tuồng. Những vấn đề nghiên cứu từ kịch bản tuồng đến sân khấu biểu diễn tuồng vẫn chưa được phổ biến và nghiên cứu sâu. Theo sự phát triển của con người và xã hội thì những loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian đang đứng trước nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

***Phụ lục 2. Rubic chấm bài viết***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG**

**HỒN THIÊNG ĐƯA ĐƯỜNG**

**(TRÍCH TUỒNG SƠN HẬU)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh nêu** được sự khác biệt về ngôn ngữ giữa đoạn trích tuồng Sơn Hậu (tuồng cung đình) với đoạn trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến (tuồng dân gian) đã học trước đó.
* **Học sinh nhận xét** chất bi hùng của sự kiện và nghĩa vua tôi, tình huynh đệ được thể hiện trong đoạn trích – một trong những điều tạo nên sức hấp dẫn mê hoặc của tuồng đối với khán giả thời trước

**2. Về năng lực: Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để đọc hiểu văn bản

**3. Về phẩm chất**: **Học sinh được khơi gợi** tinh thần dũng cảm, trượng nghĩa, cảm nhận nét đặc sắc của nghệ thuật sân khấu truyền thống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

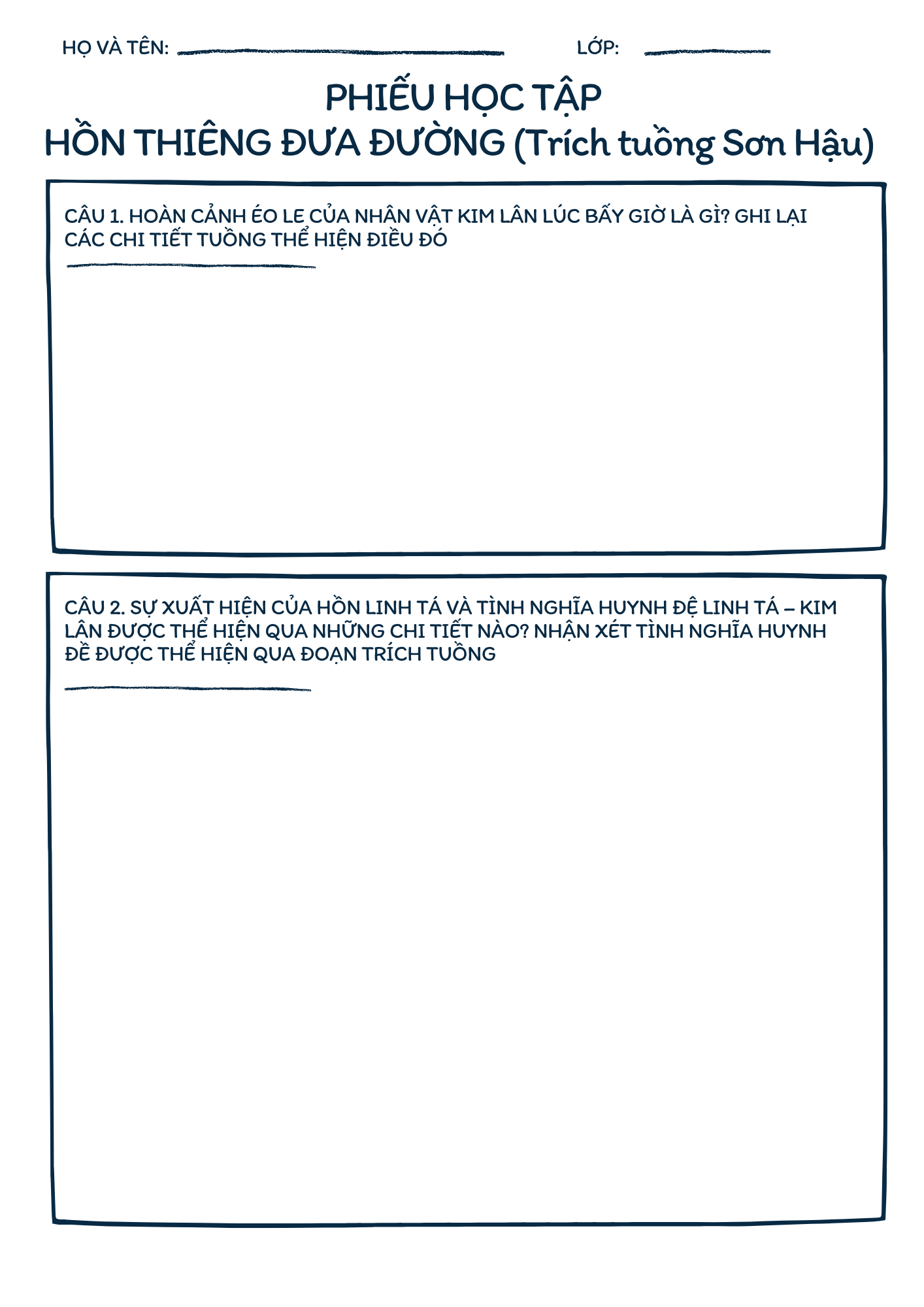
**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * HS thực hiện bảng K – W – L về những điều đã biết, muốn biết và chưa biết về nghệ thuật tuồng sau khi đã học hết chủ đề | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **Gợi ý đáp án**  GV linh hoạt dựa vào phần ghi chép và chia sẻ của HS |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh nêu** được sự khác biệt về ngôn ngữ giữa đoạn trích tuồng Sơn Hậu (tuồng cung đình) với đoạn trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến (tuồng dân gian) đã học trước đó. * **Học sinh nhận xét** chất bi hùng của sự kiện và nghĩa vua tôi, tình huynh đệ được thể hiện trong đoạn trích – một trong những điều tạo nên sức hấp dẫn mê hoặc của tuồng đối với khán giả thời trước   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và khái quát chung * Học sinh chia nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu đoạn trích tuồng | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao phiếu học tập * HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm 4 để hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về tác giả - tác phẩm   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành làm bài  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  - San Hậu hay Sơn Hậu là tên một vở tuồng (hát bội) cổ khuyết danh của Việt Nam (có ý kiến cho là của Đào Duy Từ viết), hiện không còn bản gốc, ra đời vào khoảng nửa cuối thế kỉ 18, sau được Đào Tấn chỉnh lý.  - **Tóm tắt**: Vua Tề già yếu, sắp qua đời, thái sư Tạ Thiên Lăng cùng anh em âm mưu chiếm ngôi, tống giam Phàn thứ hậu đang có mang. Họ giết lão quan Lý Khắc Thường, trong khi đó võ tướng Khương Linh Tá giả hàng thái sư nhưng tìm cách cứu thái hậu. Bà Nguyệt Hạo (Nguyệt Kiểu) là chị ba của các anh em họ Tạ, vốn cũng là một thứ hậu của vua Tề, đau đớn vì các em mình phản bội, đã cùng thái giám Tử Trình, Đổng Kim Lân và Khương Linh Tá lập mưu cứu thứ hậu và hoàng tử mới sinh thoát khỏi ngục tối. Chuyện bại lộ, Tạ Thiên Lăng cho quân đuổi theo, Khương Linh Tá ở lại cản đường để Đổng Kim Lân đưa thứ phi và hoàng tử mới sinh chạy trốn. Linh Tá chống không nổi quân Thiên Lăng và bị chém đứt đầu. Kim Lân bị lạc trong rừng, Linh Tá hiện lên thành ngọn đuốc đưa đường cho Kim Lân dẫn hoàng tử và thứ phi về được đến thành San Hậu. Đổng Kim Lân củng cố lực lượng và tiếp tục chiến đấu chống Tạ Thiên Lăng. Cánh thái sư cố thủ trong thành, Tạ Thiên Lăng bắt mẹ của Đổng Kim Lân làm con tin, nếu Kim Lân phá thành chúng sẽ giết mẹ ông. Nhờ sự giúp đỡ của Nguyệt Hạo (lúc này đang tu trong chùa), quân của Đổng Kim Lân đã đưa bà đổi lấy mẹ Kim Lân. Cuối cùng, quân Kim Lân chiến thắng. Tạ Ôn Đình, em trai Tạ Thiên Lăng bị hồn Khương Linh Tá hiện về chém chết, còn Thiên Lăng bị đuổi về quê. Hoàng tử lên ngôi vua.  - **Bố cục**: Tuồng hát này có 3 hồi, mỗi hồi hát độ 4 giờ; mỗi hồi không có tựa riêng, gọi chung là tuồng San Hậu.  + Hồi thứ nhất nói về Phàn Viên Ngoại tống cung ái nữ.  + Hồi thứ nhì nói về Phàn Công chém sứ giả.  + Hồi thứ ba nói về Tạ Nguyệt Kiểu đi tu. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao phiếu học tập * HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm 4 để hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về đoạn trích tuồng   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành làm bài  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Bố cục và các sự việc chính trong văn bản**  + Phần 1 từ đầu đến (Hồn Linh Tá báo đèn hiệu): Kim Lân hộ tống thứ phi và hoàng tử về Sơn Hậu giữa đường gặp hồn Linh tá  + Phần 2 tiếp theo đến (Chân trời đã hây hây): Hồn Linh Tá hóa thành ngọn đuốc soi đường cho Kim Lân đến Sơn Hậu an toàn  + Phần 3: Còn lại: Anh em từ tạ nhau  **Các sự kiện chính**  + Kim Lân gặp lại hồn Linh Tá  + Hồn Linh Tá hóa thành ngọn đuốc và trò chuyện dẫn lối cho Kim Lân  + Hai anh em từ biệt  **2. Hoàn cảnh éo le của Kim Lân lúc bấy giờ**  - Hoàn cảnh hết sức éo le: Phá muôn vòng quân sĩ nhưng “*Kiếm Thứ phi kiếm chẳng thấy tin/thương tử hoàng còn nhỏ/Khát sữa lại đói cơm/ Cắn máu tay thấm giọt nhi long/Nhất thờ trợ miễn ư cơn khát*”. Vừa giết giặc vừa bảo toàn tính mạng cho hoàng tử và thứ phi, vừa chạy trốn quân địch đến vùng Sơn Hậu.  - Xung quanh chỉ có núi non, trong rừng không có cả ánh sáng, ngẫm lại chuyện xưa chỉ hi vọng có ánh sáng soi đường chỉ lối “*Sau lưng không tiếng nhạc/Trước mắt thấy đầu non/ Lạc vào chốn sơn trung/Đã không dời nước bước/ Xưa Hán Minh giúp nước/ Mặt trời xuất tan canh*”  **3. Sự xuất hiện của hồn Linh Tá và tình nghĩa huynh đệ Linh Tá – Kim Lân**  - Hồn Linh Tá xuất hiện vì lời thề ban xưa “*Xưa có lời đoạn thệ/Nay phải đến báo tin/Cậy anh phù Hoàng tử Thứ phi/Khá gắng sức nghiệp Tề đem lại*”. Kim Lân vô cùng ngạc nhiên “*Ta Linh Tá! Ta Linh Tá/Mệnh dĩ vong! Mệnh dĩ vong!/ Thủ cấp lưu tại thử/ Công hà nhật tấn công*” – lo cho việc mai táng của em mình không chu tất  - Kim Lân biểu đạt cảm xúc đau đớn, xót xa trước tình nghĩa huynh đệ lâu năm, đau đớn khi không thể cùng huynh đệ đồng cam cộng khổ, cứu nước cứu vua “*Thống thiết các can tràng đoạn đoạn/ Sầu đê mê ngọc lệ sái uông uông/Thùy trì nhất đán biệt Sâm Thương/ Thùy tri nhất đán biệt Sâm Thương*” đồng thời tiếc nuối cho phận anh hùng không ai phù trợ để lập nghĩa lớn cho quốc gia *“Tiếc bất anh hùng/Lầm tay phản tặc/Lất au phù bật/Vây cánh cho nhau?/Vì quốc gia đại nghĩa/ Hoài cơ nghiệp tận kì trung*”  - Kim Lân đau xót nhờ Linh Tá nguyện phò hoàng tử và còn mình gánh vác trách nhhiệm đánh tan kẻ địch “*Phò Hoàng tử đã đành có mỗ/ Ngăn tặc binh sở cậy nhà ngươi/ Hồn yêngd dà chín suối xa chơi/Biết thưở nào cùng nhau thấy mặt*”  - Linh Tá hóa ngọn đèn hồng soi đường chỉ lối và phù trợ cho Kim Lân cứu thứ phi và hoàng tử  - Linh Tá và Kim Lân từ biệt nhau, Kim Lân nói lời từ tạ “*Hồn thương hồn tiếc hây hây/ Âm dương một phút từ nay xa vời*”  - Kim Lân vừa đến thành Sơn Hậu ngọn đèn liên phụt tắt  **Nhận xét tình nghĩa huynh đề của Linh Tá và Kim Lân:** Yêu thương, gắn bó, nguyện hi sinh vì nhau, hỗ trợ lẫn nhau, trọng tình trọng nghĩa. Đặc biệt là luôn vì trách nhiệm với vua với nước, với nghĩa lớn của quốc gia đại sự.  **Nhận xét chất bi hùng của sự việc:** Giải vòng vây quân địch, hộ tống thứ phi và hoàng tử tới nơi an toàn 🡪 Công việc đại sự, trọng đại của quốc gia dân tộc  **4. So sánh ngôn ngữ giữa tuồng cung đình (Sơn Hậu) và tuồng dân gian (Nghêu, Sò, Ốc, Hến)**  - Tuồng cung đình: Nhấn mạnh vào các tình cảm cao đẹp, đạo nghĩa trung quân ái quốc, nhiều từ ngữ cổ điển, nhiều tích và ngôn ngữ trang trọng, diễn đạt có vần điệu.  - Tuồng dân gian: Nhấn mạnh vào thế sự, nhân tình thế thái, những sự việc diễn ra trong đời sống nhân dân, ngôn ngữ dân dã, đời thường, các từ ngữ dễ hiểu và ngắn gọn. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:**   * **Học sinh diễn lại** đoạn trích thể hiện được tính chất hào hùng thiêng liêng của tuồng cung đình   **b. Nội dung thực hiện**  HS chia nhóm và thực hiện | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **GV linh hoạt sử dụng phần nội dung phần chia sẻ của học sinh** |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh cảm nhận và liên hệ được** tinh thần dũng cảm, trượng nghĩa, cảm nhận vẻ đẹp của tình nghĩa huynh đệ, anh em được thể hiện trong đoạn trích tuồng.  **b. Nội dung thực hiện:** HS chia sẻ cảm nhận | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **HS trình bày suy ngẫm và quan điểm của bản thân**  Gợi ý:  Bàn luận về tình nghĩa huynh đệ xưa và nay  Vai trò và tầm quan trọng của việc giữ lời hứa, trọng chữ tín |

***Phụ lục 1. Phiếu bài tập tìm hiểu đoạn trích tuồng***

Text, letter

Description automatically generated



Text

Description automatically generated

***Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |